TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 107/2023/KDTM-ST
Ngày: 13-9-2023.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Công Nhân.

2/ Ông Hoàng Thanh Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Hoàng Vân Anh là Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Hồ Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2022/KTST ngày 14/12/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2023/QĐXXST-KDTM ngày 14/6/2023, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2023/QĐST-KDTM ngày 14 tháng 7 năm 2023 và theo Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án số 105/TB-TA ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: Số H đường L, phường L, Quận Đ, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Đức T và hoặc ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tầng A, số I C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH T2. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số C Lô N, đường số A, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Công ty TNHH T2 (gọi tắt là Công ty T2) đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh S - Phòng G (gọi tắt là V1) theo Hợp đồng cho vay số: GVP/20070 ngày 20/01/2020, thực hiện hợp đồng trên thì hai bên đã ký Khế ước nhận nợ lần

01/Số: GVP/20070-01 ngày 20/01/2020: Số tiền vay 936.400.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 20/01/2020 đến ngày 20/01/2025), mục đích thanh toán tiền mua xe ô tô với lãi suất trong hạn thời điểm giải ngân là 9,3%/năm, lãi suất điều chỉnh định kỳ; lãi suất cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân, sau đó được điều chỉnh định kỳ vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hằng năm, ngoại trừ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên (ngày 21/4/2020), cộng biên độ 4,5%, mức lãi suất điều chỉnh tối đa 9,3%/năm; các kỳ trả nợ gốc: 01 tháng/lần vào ngày 20, tổng cộng 60 kỳ, mỗi kỳ trả nợ gốc số tiền là 15.700.000 đồng; các kỳ trả nợ lãi 01 tháng/ lần vào ngày 20; lãi bổ sung: bên vay phải thanh toán cho V1 khoản lãi bổ sung khi bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, khoản lãi bổ sung được tính như sau: lãi suất bổ sung để tính lãi cố định và bằng 2,4%/năm; lãi suất được tính theo tỷ lệ % theo năm với một năm là 365 ngày.

Bảo đảm cho khoản vay trên, Công ty T2 đã thế chấp tại V1 tài sản là xe ô tô, cụ thể như sau: Xe ô tô nhãn hiệu: KIA, số loại: Sedona, loại xe: Ô tô con, màu sơn: trắng, biển số đăng ký 50LD-147.22, số máy: D4HBKH647160, số khung: RNYY52A8KC173553 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 543279 do Phòng C - Công an Thành phố C cấp ngày 13/01/2020 cho Công ty T2 (Theo hợp đồng thế chấp xe ô tố số GVP/20071 ngày 20/01/2020 và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì Công ty T2 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, nên toàn bộ khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 20/7/2021, V1 đã nhiều lần làm việc yêu cầu Công ty T2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ và bàn giao tài sản bảo đảm nhưng Công ty T2 không thực hiện.

Tính đến ngày 20/10/2022 Công ty T2 đã thanh toán cho V1 số tiền nợ gốc là 273.004.658 đồng và tiền lãi quán hạn là 118.533.115 đồng.

Do đó, đến ngày 13/9/2023 Công ty T2 còn nợ tiền gốc: 663.395.342 đồng, tiền lãi trong hạn: 9.700.782 đồng và tiền lãi quá hạn tính từ ngày 20/7/2021 đến hết ngày 13/9/2023 là 207.503.245 đồng, tổng cộng là 880.599.369 đồng

Nay nguyên đơn rút yêu cầu tiền phạt chậm trả và tiền lãi ưu đãi truy thu, do đó yêu cầu của nguyên đơn như sau:

- Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 663.395.342 đồng (Sáu trăm sáu mươi ba triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn, ba trăm bốn mươi hai đồng), tiền lãi trong hạn là 9.700.782 đồng và tiền lãi quá hạn tính từ ngày 20/7/2021 đến hết ngày 13/9/2023 là 207.503.245 đồng, tổng cộng là 880.599.369 đồng.

Tiền lãi tiếp tục phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi Công ty T2 trả hết toàn bộ nợ cho V1.

- Trường hợp Công ty T2 không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, V1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là xe ô tô nhãn hiệu Kia, số loại Sedona, biển số 50LD-147.22, số khung: RNYYL52A8KC173553, số máy: D4HBKH647160 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 543279 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành

phố C cấp ngày 13/01/2020.

2. Bị đơn: Nguyên đơn đã thực hiện việc gửi toàn bộ hồ sơ khởi kiện cho bị đơn; Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án quá hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, còn bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về pháp luật tố tụng dân sự:*

[2] Ngân hàng TMCP V khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với Công ty TNHH T2; địa chỉ: Số C Lô N, đường số A, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét quan hệ tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn là Công ty T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa nguyên đơn đã rút yêu cầu về tiền lãi ưu đãi truy thu và tiền lãi phạt chậm trả, do đó cần đình chỉ hai yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] *Về pháp luật nội dung:*

[6] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP V đòi Công ty T2 trả số tiền nợ gốc là 663.395.342 đồng, tiền lãi trong hạn là 9.700.782 đồng và tiền lãi quá hạn tính từ ngày 20/7/2021 đến hết ngày 13/9/2023 là 207.503.245 đồng, tổng cộng là 880.599.369 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[7] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì nguyên đơn và bị đơn đã ký Hợp đồng cho vay số: GVP/20070 ngày 20/01/2020 (gọi tắt là hợp đồng cho vay), thực hiện hợp đồng trên thì hai bên đã ký khế ước nhận nợ lần 01/Số: GVP/20070-01 ngày 20/01/2020 (gọi tắt là khế ước nhận nợ) với nội dung cơ bản: Số tiền vay là 936.400.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng từ ngày 20/01/2020 đến ngày 20/01/2025, mục đích thanh toán tiền mua xe ô tô với lãi suất trong hạn thời điểm giải ngân là 9,3%/năm, lãi suất điều chỉnh định kỳ; lãi suất cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân, sau đó được điều chỉnh định kỳ vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hằng năm, ngoại trừ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên (ngày 21/4/2020), cộng biên độ 4,5%, mức lãi suất điều chỉnh tối đa 9,3%/năm; các kỳ trả nợ gốc: 01 tháng/lần vào ngày 20, tổng cộng 60 kỳ, mỗi kỳ trả nợ gốc số tiền là 15.700.000 đồng; các kỳ trả nợ lãi 01 tháng/lần vào ngày 20; lãi bổ sung: bên vay phải thanh toán cho V1 khoản lãi bổ sung khi bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, khoản lãi bổ sung được tính như sau: lãi suất bổ sung để tính lãi cố định và bằng 2,4%/năm; lãi suất được tính theo tỷ lệ % theo năm với một năm là 365 ngày.

[8] Tại điểm a khoản 1 Điều 6 của hợp đồng cho vay, hai bên thỏa thuận đến thời hạn trả nợ gốc theo các kỳ trả nợ mà bên vay vi phạm thì bên ngân hàng được quyền chuyển nợ quá hạn từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả nợ gốc theo các kỳ trả nợ.

[9] Theo bảng kê tính lãi của V1 thì tính đến ngày 21/6/2021 Công ty T2 đã thanh toán cho V1 số tiền nợ gốc: 219.800.000 đồng, tiền lãi quán hạn: 118.533.115 đồng. Đến ngày 06/12/2021 bị đơn trả 23.867.232 đồng, đến ngày 21/02/2022 trả 15.458.299 đồng và ngày 23/3/2022 trả 13.879.127 đồng, tổng số tiền trả thêm là 53.204.658 đồng và nguyên đơn đã trừ vào tiền nợ gốc nên tổng số nợ gốc đã trả là 273.004.658 đồng. Như vậy, việc nguyên đơn trừ tiền bị đơn trả vào tiền nợ gốc là có lợi cho bị đơn, do đó tính đến ngày 23/3/2022 thì bị đơn còn nợ tiền gốc là: 663.395.342 đồng (Số tiền vay 936.400.000 đồng trừ đi số tiền đã trả 273.004.658 đồng).

[10] Như vậy, V1 cấp tín dụng cho Công ty T2 là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên giao dịch có hiệu lực pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã chốt số tiền nợ gốc, chuyển toàn bộ nợ gốc sang nợ quá hạn và yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền nợ gốc 663.395.342 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[11] Đối với mức lãi suất trong hạn do nguyên đơn áp dụng: tính lãi từ ngày 20/01/2020 đến ngày 20/4/2020 với mức lãi suất 9,30%/năm; từ ngày 21/4/2020 đến ngày 31/3/2021 với mức lãi suất từ 10,20%/năm đến 11,30%/năm; từ ngày 01/4/2021 đến ngày 19/7/2021 với mức lãi suất 9,50%/năm là phù hợp.

[12] Đối với số tiền lãi quá hạn: bị đơn đã vi phạm thỏa thuận tại điểm a khoản 1 Điều 6 của hợp đồng cho vay là đến thời hạn trả nợ gốc theo các kỳ trả nợ mà bên vay vi phạm thì bên ngân hàng được quyền chuyển nợ quá hạn từ ngày

kế tiếp của ngày đến hạn trả nợ gốc theo các kỳ trả nợ nên nguyên đơn tính lãi quá hạn từ ngày 20/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 14,25%/năm. Xét thấy việc chuyển nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng và khế ước nhận nợ, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[13] Như vậy, tính đến ngày 13/9/2023 thì bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản như sau: tiền nợ gốc là 663.395.342 đồng, tiền lãi trong hạn là 9.700.782 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 20/7/2021 đến hết ngày 13/9/2023 là 207.503.245 đồng, tổng cộng: 880.599.369 đồng.

[14] Bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ, nhưng không đến Tòa giải quyết vụ án và cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, Bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì trình bày của nguyên đơn được thừa nhận.

[15] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi suất nợ quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 880.599.369 đồng.

[16] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ.

[17] Trường hợp Công ty T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả số tiền nói trên, V1 có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Kia, số loại Sedona, biển số 50LD-147.22, số khung: RNYYL52A8KC173553, số máy: D4HBKH647160 (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 543279 do Phòng CSGT Công an Thành phố C) cấp ngày 13/01/2020 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tố số GVP/20071 ngày 20/01/2020. Việc xử lý tài sản bảo đảm được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[18] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[19] Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[20] Bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 880.599.369 đồng nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 và khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 292, các Điều 299, 317, 318, 319 và Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền lãi ưu đãi truy thu và tiền lãi phạt chậm trả.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V:

Buộc Công ty TNHH T2 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền là 880.599.369 đồng (Bằng chữ: tám trăm tám mươi triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, ba trăm sáu mươi chín đồng), trong đó bao gồm các khoản sau:

Số tiền gốc: 663.395.342 đồng (Bằng chữ: sáu trăm sáu mươi ba triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn, ba trăm bốn mươi hai đồng);

T1 lãi trong hạn: 9.700.782 đồng (Bằng chữ: chín triệu, bảy trăm nghìn, bảy trăm tám mươi hai đồng);

T1 lãi quá hạn tính từ ngày 20/7/2021 đến hết ngày 13/9/2023: 207.503.245 đồng (Bằng chữ: hai trăm linh bảy triệu, năm trăm linh ba nghìn, hai trăm bốn mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số: GVP/20070 ngày 20/01/2020 và khế ước nhận nợ lần 01/Số: GVP/20070-01 ngày 20/01/2020.

Trường hợp Công ty TNHH T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả số tiền nêu trên, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Kia, số loại Sedona, biển số 50LD-147.22, số khung: RNYYL52A8KC173553, số máy: D4HBKH647160 (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 543279 do Phòng CSGT Công an Thành phố C cấp ngày 13/01/2020) theo Hợp đồng thế chấp xe ô tố số GVP/20071 ngày 20/01/2020. Việc xử lý tài sản bảo đảm được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại:

- Công ty TNHH T2 phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 38.417.981 đồng (Bằng chữ: ba mươi tám triệu, bốn trăm mười bảy nghìn, chín trăm tám mươi mốt đồng).

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 18.118.273 đồng (Bằng chữ: mười tám triệu, một trăm mười

tám nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0015256 ngày 14/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Công ty TNHH T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Q7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q7;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ, (TK. Vân Anh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Khắc Dương